

Số: **35** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc – Tôn giáo tại Tờ trình số 128/TTr-BD TTG ngày 18/02/2025, UBND tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện các Kết luận của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của tỉnh gồm: Số 08-KL/BCĐ ngày 18/12/2024 kết luận tại phiên họp thứ 2 ngày 12/12/2024, số 10A-KL/BCĐ ngày 24/12/2024 tại phiên họp lần thứ 3, ngày 23/12/2024 và số 18-KL/BCĐ ngày 16/01/2025 tại phiên họp lần thứ 4; Phương án tổng thể số 01-PA/TU ngày 31/12/2024 của Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh, định hướng sắp xếp tổ chức, bộ máy cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 7049/UBND-NC ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy; theo đó, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh sẽ được sắp xếp, kiện toàn (trong tháng 02/2025). Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung

một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh để làm cơ sở phân bổ, điều chỉnh vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các Sở, ngành sau khi sắp xếp, kiện toàn để phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và tổ chức thực hiện ngay sau khi sắp xếp là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết để làm căn cứ pháp lý trong việc phân bổ, điều chỉnh vốn cho các Sở, ngành tỉnh thực hiện các chính sách đối với đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	0,004 x b

3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	$0,016 \times c$
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	$0,1 \times d$
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	$0,3 \times đ$
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	$0,12 \times e$
Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6)				

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

* Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Phân bổ cho huyện Trà Bồng không quá 10% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2.

* Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh không quá 12% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2. Trong đó: Sở Công Thương không quá 02%, Liên minh Hợp tác xã không quá 02%, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh không quá 02%, Hội Nông dân tỉnh không quá 02% và Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 04%.

Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	$28 \times a$
2	Mỗi xã ĐBKK đồng thời là xã An toàn khu (sau đây viết tắt là ATK)	2	b	$2 \times b$
3	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBKK)	0,15	c	$0,15 \times c$
4	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	d	$5 \times d$
Tổng cộng điểm (1+2+3+4)				

Số lượng (a, b, c, d) được xác định như sau: xã ĐBKK xác định

theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 được sửa đổi bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024, như sau:

“2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc bằng 50% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2, cụ thể:

Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Nội dung 1; phân bổ cho Sở Nội vụ số vốn sự nghiệp còn lại của Nội dung 1.

Phân bổ cho các huyện: Không.

Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học bằng 50% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2, cụ thể:

Phân bổ cho Sở Nội vụ không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Nội dung 2; phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo số vốn sự nghiệp còn lại của Nội dung 2.

Phân bổ cho các huyện: Không.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 3. Trong đó, Phân bổ cho Sở Nội vụ không quá 10% và phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu

chỉ như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
Tổng cộng điểm				

Số lượng (a) căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 4.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu CT135)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,5 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

Số lượng (a, b) được xác định như sau: Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 15% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án 2.

Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số	Số	Tổng số
----	-------------------	----	----	---------

		điểm	lượng	điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5)				

Số lượng (a) được xác định theo số liệu điều tra thống kê thực trạng Kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, khu vực II của huyện được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho cho Sở Dân tộc và Tôn giáo và Sở Tư pháp không quá 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1. Trong đó, Ban Dân tộc tỉnh không quá 35%, Sở Tư pháp không quá 05%.

Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
2	Mỗi thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	5	b	5 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

Số lượng (a) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); số lượng (b) được xác định theo số lượng thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số".

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và sửa đổi bổ

sung điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, như sau:

“a) Phân bổ vốn đầu tư:

Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không.

Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

Số lượng (a, b) được xác định như sau: xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)”.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho Sở Dân tộc và Tôn giáo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2. Trong đó, Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 20%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 15%, Sở Khoa học và Công nghệ không quá 15%.

Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
Tổng cộng điểm (1+2)				

Số lượng (a, b) được xác định như sau: Xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa

đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3. Trong đó: Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 25%; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Tài chính, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh mỗi đơn vị không quá 03%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 04%; Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh mỗi đơn vị không quá 02%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
Tổng cộng điểm (1+2+3)				

Số lượng (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)”.

10. Bãi bỏ Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

IV. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Tại kỳ họp thứ 32 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn (*được quy định tại khoản 44, Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Dân tộc – Tôn giáo tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên